

Bản án số: 246/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Lắm.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông Nguyễn Văn Trí;
 - Bà Phạm Xuân Đào.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 450/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 375/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1987; địa chỉ: số nhà A, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng L1, sinh năm 1987; địa chỉ: số nhà A, khóm A, thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày, bà L và ông L1 do tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung

sống, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Diễm M, sinh ngày 05/8/2013. Đến ngày 13/12/2016, bà L và ông L1 ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 366/2016/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới. Theo quyết định, bà L và ông L1 thuận tình ly hôn, bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Diễm M, ông L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung mỗi tháng 650.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Đến năm 2018, bà L và ông L1 tự nguyện kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn H vào ngày 12/6/2018 và sinh thêm được 01 con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/2019. Hiện tại, cháu N đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông L1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, ông L1 thường hay nhậu cùng bạn bè. Bà L và ông L1 không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2020 đến nay, không tới lui thăm nhau.

Nhận thấy tình cảm không còn nên bà L yêu cầu ly hôn với ông L1; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung Trần Nguyễn Diễm M, sinh ngày 05/8/2013 do đã được Tòa án xem xét, giải quyết bằng một quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 366/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, rút lại yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Tờ tự khai của bà Nguyễn Thị Thùy L; Giấy khai sinh số 614, ngày 20/3/2019 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp đối với Trần Nguyễn Bảo N (bản sao); Giấy khai sinh số 386, ngày 03/9/2013 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp đối với Trần Nguyễn Diễm M (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 12/6/2018 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C cấp đối với bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Hoàng L1 (bản chính); Quyết định số 366/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới (bản sao).

- Bị đơn ông Trần Hoàng L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn yêu cầu được vắng mặt xét xử và không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy L đối với ông Trần Hoàng L1; bà L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/2019, ông L1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung. Đình chỉ yêu cầu việc nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Diễm M, sinh ngày 05/8/2013 và yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng L1, ông L1 cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Hoàng L1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông L1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị T L khai, bà L và ông L1 do quen biết, tìm hiểu nhau và kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện C vào ngày 12/6/2024 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông L1 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà L xác định, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên xảy ra cãi vã nhau, ông L1 có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, ông L1 thường hay nhậu cùng bạn bè.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, ông L1 hay nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con và không còn sống chung từ cuối năm 2020 đến nay, không tới lui thăm nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tông đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông L1 nhưng ông L1 không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà L. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà L và ông L1 là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông L1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà L xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Trần Nguyễn Diễm M, sinh ngày 05/8/2013 và cháu Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/2019. Tuy nhiên, cháu M đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết bằng Quyết định số 366/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2016 nên bà L rút lại yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với việc nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Diễm M; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Bảo N.

Xét thấy, cháu M đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giải quyết bằng Quyết định số 366/2016/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2016, bà L rút lại yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng, đối với cháu N hiện do bà L chăm sóc, nuôi dưỡng đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao N cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi dạy các con chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà L rút lại yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông L1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L đối với việc nuôi dưỡng con chung Trần Nguyễn Diễm M, sinh ngày 05/8/2013 và yêu cầu ông Trần Hoàng L1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy các con chung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với ông Trần Hoàng L1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 329, ngày 03/10/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện C cấp đối với bà Nguyễn Thị Thùy L và ông Trần Hoàng L1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Thùy L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo N, sinh ngày 13/3/2019, ông L1 không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Nguyễn Thị Thùy L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Hoàng L1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thùy L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015593 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 11 tháng 6 năm 2024; bà Nguyễn Thị Thùy L đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Hoàng L1 không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết, bà Nguyễn Thị Thùy L, ông Trần Hoàng L1 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm